TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐOAN HÙNG** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Vũ Thường
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Hoàng Đình Hà
Ông Đỗ Xuân Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Minh Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2017/TLST-HNGĐ ngày 14/3/2017 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20/6/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị T – sinh năm 1960
Cư trú tại: Thôn 02, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ
- *Bị đơn:* Ông Lưu Viết T – sinh năm 1952
Cư trú tại: Thôn 02, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ
Bà T có mặt, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là bà Đặng Thị T trình bày: Bà và ông Lưu Viết T kết hôn năm 1988 trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T liên tục lăng nhục xúc phạm, chửi bới và đánh đập bà. Những năm đầu vì các con và gia đình nên bà cố chịu đựng. Đến nay bà xác định mâu thuẫn vợ chồng đã rất căng thẳng trầm trọng không thể đoàn tụ được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 09/6/2017, bị đơn là ông Lưu Viết T xác nhận về thời gian kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống. Ông cũng thừa nhận vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xô xát với nhau, nhưng vì các

con, vì gia đình ông vẫn cố chịu đựng cho đến nay, do vậy việc bà T xin ly hôn ông không nhất trí.

- Về con chung: Bà T và ông T xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Lưu Anh Đ, sinh năm 1989 và Lưu Ngọc H, sinh năm 1995, hiện đều đã trưởng thành lao động tự túc được nên không yêu cầu giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Trong quá trình giải quyết bà T có đơn đề nghị chia thửa ruộng số 195, tờ bản đồ số 6, diện tích 360m2 tại thôn 02, xã S, huyện Đ. Nhưng đến nay bà rút yêu cầu này, không đề nghị Tòa án giải quyết nữa.

- Về vay nợ chung: Bà T và ông T đều xác nhận không vay nợ của ai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và xác định:

+ Hoạt động tố tụng dân sự của Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng trong việc thụ lý, thu thập chứng cứ, giải quyết và xét xử đối với vụ án là đúng quy định của pháp luật.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

- Về tài sản chung: Đến nay bà T xin rút đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung đối với thửa ruộng số 195, tờ bản đồ số 6, diện tích 360m2, nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

- Về án phí: Bà T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định. Đối với số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung, do bà T rút đơn yêu cầu nên hoàn lại cho bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị T và ông Lưu Viết T kết hôn năm 1988 trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Đ, đây là hôn nhân hợp pháp. Tuy ông T không nhất trí ly hôn, nhưng ông cũng xác nhận quan hệ vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xô xát với nhau và ông cũng không có biện pháp nào để cải thiện, hàn gắn quan hệ vợ chồng. Đại diện Hội liên hiệp phụ nữ xã S cũng xác nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông T xảy ra mâu thuẫn từ lâu. Nhiều lần bà T có đơn ly hôn gửi ra xã nhưng được Hội phụ nữ vào nhà để động viên hòa giải nên ông bà lại quay lại với nhau, nhưng cũng chỉ được một thời gian lại xảy ra mâu thuẫn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông T đã căng thẳng trầm trọng, mục đích xây dựng một gia đình hạnh phúc bền vững không đạt được. Do vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[2]. Về con chung: Bà T và ông T đều xác nhận các con đã trưởng thành, lao động tự túc được nên không phải giải quyết.

[3]. Về chia tài sản chung: Đến nay bà T xin rút đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung đối với thửa ruộng số 195, tờ bản đồ số 6, diện tích 360m2 tại thôn 02, xã S, huyện Đ, nên Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[4]. Về vay nợ chung: Bà T và ông T đều xác nhận không có nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Do ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Đặng Thị T và ông Lưu Viết T.

2. Về con chung: Không phải giải quyết.

3. Về vay nợ chung: Không có

4. Về chia tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung đối với thửa ruộng số 195, tờ bản đồ số 6, diện tích 360m2 tại thôn 02, xã S, huyện Đ của bà Đặng Thị T.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Đặng Thị T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số: AA/2016/0004078 ngày 14/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng.

Hoàn lại cho bà Đặng Thị T số tiền tạm ứng án phí yêu cầu chia tài sản chung là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2016/0004099 ngày 07/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã S;
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Lê Vũ Thường